



p-ISSN 2815-648X
p-ISSN 1859-4611
e-ISSN 3030-4717

Tạp chí

KHOA HỌC TÂY NGUYÊN

Tay Nguyen Journal of Science

SÁNG TẠO - CHẤT LƯỢNG - HỘI NHẬP



Vol 19 • No 3, June of 2025

TẠP CHÍ KHOA HỌC TÂY NGUYÊN

TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Lê Đức Niêm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Nguyễn Văn Nam

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

GS.TS. Nguyễn Anh Dũng

ỦY VIÊN

GS.TS. San-Lang Wang	I Đại học Tamkang, Đài Loan
GS.TS. Lê Thị Thanh Nhân	I Bộ Giáo Dục và Đào tạo
GS.TS. Trương Bá Thanh	I Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng
GS.TS. Lê Đức Ngoan	I Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế
GS.TS. Đinh Quang Khiếu	I Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
GS.TS. Đặng Tuấn Đạt	I Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột
PGS.TS. Đặng Hà Việt	I Cục Thể dục Thể thao, Bộ Văn hóa Thông tin và Du lịch
PGS.TS. Đoàn Thị Tâm	I Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
PGS.TS. Buôn Krông Thị Tuyết Nhung	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Trần Quang Hạnh	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Phan Văn Trọng	I Trường Đại học Tây Nguyên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ - PHỤ TRÁCH TRỊ SỰ

TS. Nguyễn Đình Sỹ I Phòng KH&QHQT

THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

CN. Y Zina Ksor	I Phòng KH&QHQT
ThS. Trần Thị Minh Hà	I Phòng KH&QHQT
KS. Lê Thụy Vân Nhi	I Phòng KH&QHQT
TS. Dương Quốc Huy	I Khoa KHTN&CN

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN

Phòng Khoa học & Quan hệ Quốc tế, trường Đại học Tây Nguyên

567 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại: (84) 262.3853.276 Fax: (84) 262.3825.184

E-mail: tapchikhoahocdhtn@ttn.edu.vn | Website: <https://tnjos.vn>

p-ISSN 1859-4611 & 2815-648X/ e-ISSN 3030-4717

Giấy phép hoạt động báo chí in số 197/GP-BTTTT,

do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 06/6/2023

In 50 quyển, khổ 20x29cm. In tại Công ty TNHH một thành viên In Đắk Lắk,

45 Nguyễn Tất Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 06 năm 2025.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
TAY NGUYEN UNIVERSITY

Tạp chí **KHOA HỌC TÂY NGUYÊN**

Tay Nguyen Journal of Science

p-ISSN 1859-4611 & 2815-648X/ e-ISSN 2815-6471

Tập 19 - Số 3, tháng 06 năm 2025
Vol 19 - No 3, June of 2025

MỤC LỤC	TABLE OF CONTENTS	Tr./ pp.
KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ	NATURAL SCIENCES AND TECHNOLOGY	
1. Nghiên cứu nhân chuyển pha của quá trình ngưng tụ sợi amyloid – beta bằng phương pháp mô phỏng <i>Phùng Nguyễn Thái Hằng</i>	Simulation of phase nucleation during the aggregation of amyloid-beta fibrils <i>Phung Nguyen Thai Hang</i>	1
2. Tổng quan một số loài cây dược liệu tại vùng Tây Nguyên từ hoạt tính sinh học đến kỹ thuật nhân giống <i>in vitro</i> <i>Trần Văn Cường, Nguyễn Ngọc Hữu, Nguyễn Văn Minh, Phan Xuân Huyền, Hồ Thị Mỹ Vân, Trần Thị Phương Hạnh & Nguyễn Đình Sỹ</i>	Overview of bioactive compounds and in vitro propagation techniques of selected medicinal plants in the Central Highlands of Vietnam <i>Tran Van Cuong, Nguyen Ngoc Huu, Nguyen Van Minh, Phan Xuan Huyen, Ho Thi My Van, Tran Thi Phuong Hanh & Nguyen Dinh Sy</i>	8
3. Khảo sát thành phần hóa học và một số hoạt tính sinh học của cao chiết quả cây mướp rắn (<i>Trichosanthes cucumerina</i> L.) <i>Huỳnh Thị Hồng Trang & Lê Đỗ Thùy Vi</i>	Investigation of chemical composition and biological activity of snake gourd fruit extract (<i>Trichosanthes cucumerina</i> L.) <i>Huynh Thi Hong Trang & Le Do Thuy Vi</i>	23
KHOA HỌC NÔNG LÂM NGHIỆP	AGRICULTURAL AND FORESTRY SCIENCES	
4. Tình hình nhiễm sán dây <i>Moniezia</i> spp. ở đường tiêu hóa của dê thịt nuôi trong nông hộ trên địa bàn huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai <i>Bùi Thị Như Linh, Đàm Thị Thúy Hải & Thái Thị Bích Vân</i>	Prevalence of <i>Moniezia</i> spp. infection in the gastrointestinal tract of meat goats raised in smallholder farms in Chu Puh district, Gia Lai province <i>Bui Thi Nhu Linh, Dam Thi Thuy Hai & Thai Thi Bích Vân</i>	33
KHOA HỌC SỨC KHỎE	HEALTH SCIENCES	
5. Đau vùng thắt lưng chậu trong thai kỳ - Tỷ lệ mắc bệnh và các yếu tố liên quan <i>Mai Ngọc Ba, Hồ Thúc Uyên Phương & Ngô Thị Hạ</i>	Low back pain in pregnancy - Prevalence and associated factors <i>Mai Ngoc Ba, Ho Thuc Uyen Phuong & Ngo Thi Ha</i>	39
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES	
6. Đặc điểm từ láy trong tập truyện ngắn “Kẻ dự phần” của nhà văn Phong Điệp <i>Đoàn Tiến Dũng</i>	Features of reduplicative words in the short story collection “The participant” by the writer Phong Diep <i>Doan Tien Dung</i>	46
7. Nghiên cứu rào cản phát triển du lịch nông thôn tỉnh Bình Định <i>Nguyễn Hà Thanh Thảo, Trần Vũ Kim Ngân, Mai Trường Chinh & Hà Thị Kim Thoa</i>	Research on barriers to rural tourism development in Binh Dinh province <i>Nguyen Ha Thanh Thao, Tran Vu Kim Ngan, Mai Truong Chinh & Ha Thi Kim Thoa</i>	53
8. Văn hoá bến nước của người Êđê ở thành phố Buôn Ma Thuột - Thực trạng và một số giải pháp bảo tồn trong bối cảnh đổi mới <i>H Wen Aliô, Rơ Lan A Nhi, Y Cuôr Bkrông & Y Rô Bi Bkrông</i>	The water wharf culture of the Ede people in Buon Ma Thuot city - Current status and preservation solutions in the context of modernization <i>H Wen Alio, Ro Lan A Nhi, Y Cuor Bkrong & Y Ro Bi Bkrong</i>	65
9. Sinh kế của các hộ dân tộc thiểu số xã Đắk Phơi, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk <i>Nguyễn Hoàng Trang, Trần Ngọc Thanh & Đỗ Thị Nga</i>	The livelihood of ethnic minority households in Dak Phoi commune, Lak district, Dak Lak province <i>Nguyen Hoang Trang, Tran Ngoc Thanh & Do Thi Nga</i>	73

10. Tác động của chất lượng cuộc sống - công việc đến sự gắn bó với tổ chức - Nghiên cứu tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở thành phố Buôn Ma Thuột
Lê Việt Anh, Hà Thị Kim Duyên & Trương Văn Thảo

The impact of quality of work life on organizational commitment - A study of small and medium-enterprise in Buon Ma Thuot city
Le Viet Anh, Ha Thi Kim Duyen & Truong Van Thao

83
11. Nghiên cứu hành vi sử dụng ứng dụng mạng xã hội của Gen-Z trong việc lựa chọn địa điểm đến du lịch tại Bình Định
Phạm Ngọc Ánh, Nguyễn Xuân An, Lê Việt Cường, Nguyễn Thị Kim Chi, Phạm Trần Đức Hậu & Đỗ Thị Thanh Ngân

Research on the using of social network applications of Gen-Z in choosing tourist destinations in Binh Dinh
Pham Ngoc Anh, Nguyen Xuan An, Le Viet Cuong, Nguyen Thi Kim Chi, Pham Tran Duc Hau & Do Thi Thanh Ngan

96
12. Tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên
Bùi Thị Tâm & Đinh Thị Kiều Loan

Creating career motivation for first-year students of Primary Education at Tay Nguyen University
Bui Thi Tam & Dinh Thi Kieu Loan

111
13. Xây dựng mô hình tác động của tính bền vững doanh nghiệp đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk - Vai trò điều tiết của năng lực lãnh đạo và quy trình đổi mới
Lê Thanh Hà, Nguyễn Xuân Anh, Bùi Thị Bích Thủy, Trương Văn Thảo & Trương Thị Tuyết

Developing a model of the impact of corporate sustainability on the performance of small and medium-sized enterprises in Dak Lak province - The moderating role of leadership competence and the innovation process
Le Thanh Ha, Nguyen Xuan Anh, Bui Thi Bích Thuy, Truong Van Thao & Truong Thi Tuyet

120

ĐẶC ĐIỂM TỪ LÁY TRONG TẬP TRUYỆN NGẮN “KỂ DỰ PHẦN” CỦA NHÀ VĂN PHONG ĐIỆP

Đoàn Tiến Dũng¹

Ngày nhận bài: 30/04/2025; Ngày phản biện thông qua: 22/06/2025; Ngày duyệt đăng: 23/06/2025

TÓM TẮT

Từ láy là một trong năm phương thức cấu tạo từ quan trọng, giúp sản sinh ra khối lượng từ khá lớn bổ sung vào kho từ vựng tiếng Việt. Từ láy được coi là mảng từ vựng thể hiện rõ nhất của hình thức ngữ âm tiếng Việt trong việc biểu lộ tư tưởng tình cảm của nhà văn khi sử dụng ngôn ngữ, từ láy cũng góp phần tạo nên tính hình tượng, gợi cảm, giàu sức gợi trong truyện. Bài viết khảo sát và phân tích đặc điểm sử dụng từ láy trong *Kể dự phần*, tập truyện ngắn tiêu biểu của nhà văn Phong Điệp. Qua việc thống kê, phân loại và phân tích chức năng của từ láy, bài viết phân tích vai trò của lớp từ ngữ này trong việc tạo nên phong cách nghệ thuật đặc trưng của nhà văn, góp phần khẳng định giá trị biểu cảm và tu từ của từ láy trong văn xuôi Việt Nam hiện đại.

Từ khóa: Từ láy, truyện ngắn, *Kể dự phần*, Phong Điệp.

1. MỞ ĐẦU

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp trọng yếu nhất của con người, ngoài ra ngôn ngữ còn là một hiện tượng xã hội, một hệ thống tín hiệu đặc biệt. Ngôn ngữ bao gồm những yếu tố và các mối quan hệ giữa các yếu tố đó. Các yếu tố trong hệ thống ngôn ngữ chính là các đơn vị của ngôn ngữ, đó là: âm vị, hình vị, từ, và câu. Từ láy là một trong năm phương thức cấu tạo từ. Từ láy có một vai trò rất quan trọng như vậy vì trong nó chứa đựng những giá trị sâu sắc. Từ sự biến đổi linh hoạt, từ láy còn có tác dụng tạo nên nhạc tính cho từ, những từ gọi là từ tượng thanh, tượng hình.

Truyện ngắn “*Tầng hai*” (Lã Nhâm Thìn và cộng sự, 2022, tr.17) của nhà văn Phong Điệp hiện đang được giảng dạy trong chương trình Ngữ văn lớp 11, theo sách giáo khoa của bộ Cánh Diều. Tác phẩm này được đưa vào giảng dạy nhằm giúp học sinh hiểu về những khát khao, ước mơ và những khát vọng về hạnh phúc trong cuộc sống. Do đó, nghiên cứu tìm hiểu về từ láy trong sáng tác của Phong Điệp góp phần giúp học sinh thực hành tốt các dạng ngữ liệu bài tập đọc hiểu, đồng thời khẳng định những đóng góp của nhà văn trong quá trình vận động và phát triển nền văn học Việt Nam hiện đại.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Khảo sát, thống kê, phân loại các loại từ láy trong tập truyện *Kể dự phần* của nhà văn Phong Điệp. Phân tích giá trị gợi tả, giá trị biểu cảm và giá trị phong cách của từ láy được biểu đạt.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm từ láy trong tập truyện ngắn *Kể dự phần* của nhà văn Phong Điệp.

2.3. Nội dung nghiên cứu

Bài báo xác định nội dung nghiên cứu cơ bản như sau:

- Các khái niệm lý thuyết về từ láy: đặc điểm cấu tạo, đặc điểm ngữ nghĩa;

- Những nét chính về nhà văn Phong Điệp, tập truyện *Kể dự phần*.

- Thống kê, khảo sát, phân tích đặc điểm từ láy trong tập truyện *Kể dự phần*: đặc điểm cấu tạo, đặc điểm ngữ nghĩa, tần số xuất hiện, giá trị biểu đạt.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng những phương pháp nghiên cứu sau:

- *Phương pháp nghiên cứu hệ thống*: Tiếp cận, nghiên cứu tập truyện *Kể dự phần* không phải như một tập truyện đơn lẻ, mà đặt trong hệ thống truyện ngắn Phong Điệp, như một phần trong hệ thống sáng tác của nhà văn. Từ đó, khai thác toàn diện giá trị nghệ thuật và tư tưởng của truyện.

- *Phương pháp thống kê, phân loại*: Trên cơ sở các số liệu khảo sát từ láy trong tập truyện *Kể dự phần*, tiến hành thống kê, lập bảng phân loại, chia tỷ lệ các dạng thức từ láy, giúp cho việc nghiên cứu phân tích, đánh giá có căn cứ xác thực.

- *Phương pháp so sánh, đối chiếu*: Được sử dụng để so sánh số lượng từ láy được sử dụng trong từng truyện ngắn cụ thể. Từ đó rút ra nhận xét, đánh giá phân tích, lý giải việc sử dụng của nhà văn trong quá trình sáng tạo nghệ thuật.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Được sử dụng nhằm phân tích từ láy xuất hiện trong tập truyện

¹Trường THPT Thực hành Cao Nguyên, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Đoàn Tiến Dũng; ĐT: 0979265394; Email: dtdung@ttn.edu.vn.

Kẻ dự phần. Sau đó, tổng hợp khái quát, chỉ ra những đặc điểm riêng biệt trong ngôn ngữ nghệ thuật nhà văn.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái niệm từ láy, đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa

Về khái niệm, từ láy: “hiện tượng lặp lại về mặt ngữ âm. Phần được lấy làm cơ sở cho sự lấy gọi là phần gốc (còn được gọi là phần cơ sở), phần lặp lại nó gọi là phần láy” (Diệp Quang Ban, 1996, tr.19). Láy là một phương thức tạo từ đặc sắc của tiếng Việt, từ một hình vị gốc, có thể tạo ra nhiều từ có sắc thái ý nghĩa khác nhau. Đây là một phương thức tạo từ đóng vai trò lớn trong tiếng Việt, góp phần làm phong phú thêm vốn từ vựng của tiếng Việt. Trong các cấu trúc láy, có mô hình [A|B]. Nhưng khi yếu tố thực đứng ở vị trí nào trong khuôn này thì sẽ mang áp lực về ngữ pháp cho cấu trúc ý nghĩa của từ láy cụ thể. Khi yếu tố thực xuất hiện ở vị trí B, nghĩa của từ láy bị giảm bớt tính phạm trù (không cắt thực tế ra một cách rõ ràng, nghiêm ngặt), ví dụ: *nhờ nhờ, cung cúng*... Nhưng khi yếu tố thực đứng ở vị trí A thì cấu trúc nghĩa lại theo chiều hướng ngược lại: nghĩa phạm trù được khẳng định một cách rõ ràng và ngoài ra, nghĩa đó còn được gia thêm những nghĩa tình thái hoặc cảm xúc có nhấn mạnh (nét nghĩa biểu thái của từ), ví dụ: *đồ đản, vuông vắn, ngay ngắn*... Tập hợp toàn bộ các từ láy theo hai khuôn này, chúng ta có một dãy thang độ từ 5 đến 7 thang bậc khác nhau cho một phẩm chất được định danh qua một cấu trúc từ láy. Đỗ Hữu Châu cho rằng: “từ láy là những từ được cấu tạo theo phương thức láy, đó là phương thức lặp lại toàn bộ hay bộ phận hình thức âm tiết” (Đỗ Hữu Châu, 2009, tr.40). Từ láy được biết đến là một dạng đặc biệt của từ phức, chúng được cấu tạo bởi 2 tiếng trở lên và thường có điệp vần nhau ở âm đầu, âm cuối, vần hay cả âm đầu và âm cuối (hay được hiểu nguyên âm hoặc phụ âm được lấy giống nhau hoặc chỉ một phần nguyên âm và phụ âm láy như nhau). Khác với từ ghép, đa phần các từ cấu thành đều có nghĩa, từ láy thường chỉ có một từ có nghĩa hoặc không có từ nào có nghĩa khi đứng một mình. Trong Tiếng Việt, từ láy thường có độ dài từ 2 tiếng trở lên và tối đa là 4 tiếng:

(1) “*Hót hơ hót hải, nhìn nhau/Giếng sâu, bụi rậm, trước sau tìm quàng*” (Nguyễn Du, 2000, câu số 1659-1660, tr.111).

Về đặc điểm cấu tạo, giữa các tiếng trong từ láy có quan hệ với nhau về mặt ngữ âm, biểu hiện ở một trong các dạng sau: Giống nhau ở phần phụ âm đầu: *văng vể, vui vẻ*,... giống nhau ở phần vần: *thao láo, lỗ chỗ, lã chã*,... giống nhau ở cả phần

phụ âm đầu lẫn phần vần: *đỏ đỏ, hao hao*,... “*Mối quan hệ về mặt ngữ âm trong từ láy tạo nên sự hòa phối ngữ âm có tác dụng biểu trưng hóa, tức là tạo ra một thứ ý nghĩa biểu trưng. Phương thức tổ hợp các tiếng trên cơ sở hòa phối ngữ âm cho ta các từ láy*” (Mai Ngọc Chừ và cộng sự, 1997, tr.152). Từ láy tiếng Việt có độ dài tối thiểu là hai tiếng, tối đa là bốn tiếng và còn có loại ba tiếng. Tuy nhiên, loại đầu tiên là loại tiêu biểu nhất cho từ láy và phương thức láy của tiếng Việt. Ở những từ ghép, có các thành tố còn rõ nghĩa và có hiện tượng lặp âm ngẫu nhiên như: *tươi tốt, nam nữ, mặt mũi, nhọt nhọt*,... Và ngược lại, khi trong từ ghép đẳng lập có xuất hiện yếu tố mờ nghĩa, người ta dễ cảm thụ chúng như là từ láy. Đó là lí do giải thích tại sao những từ: *chùa chiền, hỏi han, đất đai, chim chóc, tuổi tác*... được nhiều người chấp nhận là từ láy. Từ đó dẫn đến đặc điểm thứ ba, trong từ láy phải có ít nhất một yếu tố không độc lập (mờ nghĩa/mất nghĩa). Như vậy, từ láy trong tiếng Việt có thể xảy ra hai trường hợp: Từ láy có một yếu tố độc lập (hay tiếng gốc) và một yếu tố không độc lập (hay tiếng láy); từ láy có cả hai yếu tố đều không độc lập (hay từ láy không có tiếng gốc). Xuất phát từ chính sự biến đổi linh hoạt đó, từ láy dần được sử dụng phổ biến. Chúng thường được dùng để nhấn mạnh, miêu tả vẻ đẹp của phong cảnh, hiện tượng, hình dáng của sự vật hay diễn đạt tâm trạng, cảm xúc, âm thanh, tình trạng,... của con người, của sự vật, sự việc, và hiện tượng trong cuộc sống, mang đến cho người viết cái nhìn đa chiều, sâu sắc hơn cho chính vấn đề được nhắc đến trong câu. Từ láy có nhiều tác dụng hỗ trợ nhấn mạnh ý nghĩa cho câu. Thông thường, người dùng sẽ chọn từ láy để đưa vào câu nói, văn viết để giúp câu văn tạo điểm nhấn cho sự vật, sự việc muốn nhắc đến và người nghe, người đọc một vẻ đẹp hài hòa, tinh tế về ngôn ngữ.

Về đặc điểm ngữ nghĩa, xét tác dụng của các tiếng tham gia cấu tạo nghĩa của từ láy, có thể chia từ láy nói chung thành 3 nhóm:

- *Từ láy phỏng thanh*: là từ láy trong đó không xác định được tiếng gốc, các tiếng được hình thành và được ghép lại dựa vào sự mô phỏng âm thanh của các sự vật, hiện tượng, hay dựa vào mô phỏng âm thanh để định danh cho đối tượng: *khanh khách, the thé, lạch tạch, soàn soạt, ro ro, choe chõe, lục khục*...

(2) “*Người đàn ông có cái mụn ruồi to bằng hạt đỗ đen cạnh mép, giọng the thé như vôi nước bị kẹt. Gã ngồi bệt xuống tấm thảm trải nền nhà, tay ve vuốt bắp chân trắng trẻo, mịn màng của Miên*” (Phong Diệp 2008, tr.207).

- *Từ láy sắc thái hóa*: là những từ mà trong đó

có một yếu tố gốc và một hoặc hơn một yếu tố láy. Yếu tố gốc chi phối nghĩa của toàn bộ từ láy, yếu tố còn lại có tác dụng bổ sung một sắc thái nghĩa nào đó, khiến cho từ láy khác với phần gốc, khi nó đứng một mình và khác với từ láy khác, có cùng yếu tố gốc. Ví dụ so sánh: *bối rối* với *rắc rối*, *rối ren* với *rối rít*; *dễ dãi* với *dễ dàng*; *xanh xanh* với *xanh xao*,...

(3) “*Nó ngửi thấy mùi bã đậu khét lẹt*” (Phong Điệp, 2008, tr.28).

Xét về mặt phạm vi biểu vật của từ láy so với tiếng gốc, cần phân biệt hai trường hợp:

Thứ nhất, từ láy phi cá thể hóa – những từ mà ý nghĩa biểu thị phạm vi sự vật rộng hơn so với tiếng gốc;

Thứ hai, từ láy cụ thể hóa những từ mà ý nghĩa biểu thị phạm vi sự vật hẹp hơn so với tiếng gốc.

Ví dụ cho trường hợp thứ nhất như: *chim chóc*, *mùa màng*, *hội hè*,...

Ví dụ cho trường hợp thứ hai như: *dễ dàng*, *dễ dãi*, *bối rối*, *rắc rối*, *rối rít*, *xanh xanh*, *xanh xao*,...

Ví dụ: *bâng khuâng*, *hạch sách*, *thình lình*,... các từ láy này hiện chiếm một số lượng khá lớn trong tiếng Việt, theo Diệp Quang Ban, “*đây là kiểu láy thuần khiết nhất, tiêu biểu cho toàn bộ từ láy – một kiểu cấu tạo từ láy sự hòa phối ngữ âm tạo ý nghĩa biểu trưng làm cơ sở*” (Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung, 1996, tr.64).

3.2. Nhà văn Phong Điệp và tập truyện ngắn “*Kẻ dự phần*”

Bảng 1. Thống kê tần số từ láy xét về cấu tạo trong tập truyện ngắn *Kẻ dự phần* của Phong Điệp

STT	Loại láy/Tên truyện	Tổng số trang	Láy hoàn toàn	Láy phụ âm đầu	Láy vần	Tổng số từ láy	Tỷ lệ từ láy/trang văn bản
1	<i>Bạn cũ</i>	17	5	12	5	22	1,3
2	<i>Tiếng ru</i>	20	7	10	8	25	1,3
3	<i>Ngôi nhà ngập tràn ánh nắng</i>	7	3	7	2	12	1,7
4	<i>Bát phở</i>	5	2	5	3	10	2,0
5	<i>Sau cánh gà</i>	10	3	4	2	9	0,9
6	<i>Tầng hai</i>	14	7	9	2	18	1,3
7	<i>Thế là vừa hết một đêm</i>	11	4	8	3	15	1,4
8	<i>Ngôi nhà hoang vắng</i>	30	10	21	4	35	1,2
9	<i>Thùng rác</i>	9	4	8	2	14	1,6
10	<i>Tình huống giả định</i>	8	3	7	3	13	1,6
11	<i>Từ độ cao tầng mười tám</i>	5	3	5	3	11	2,2
12	<i>Trung du</i>	9	3	9	2	14	1,6
13	<i>Kẻ dự phần</i>	17	9	11	3	23	1,4

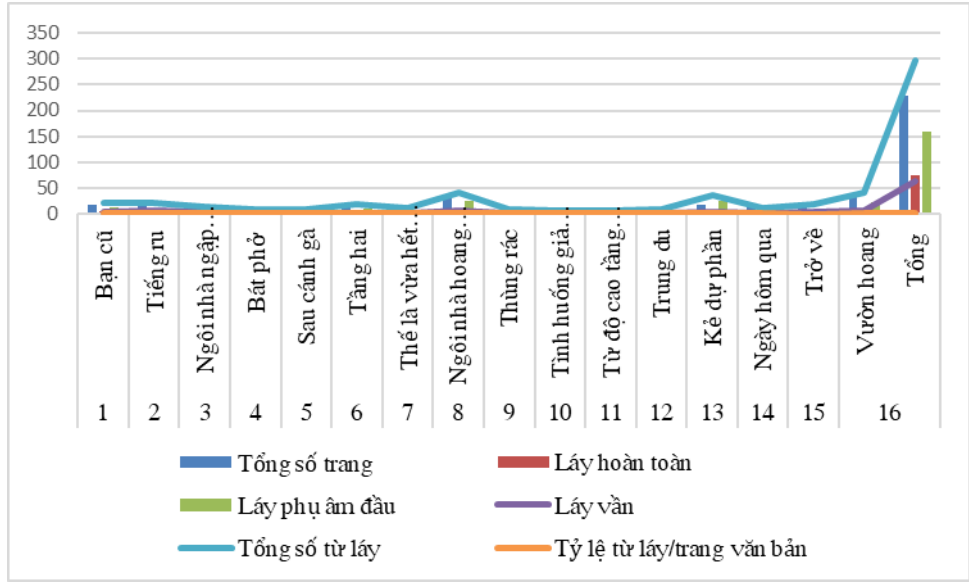
dự phần”

Phong Điệp “*vốn yêu văn chương từ nhỏ, từng theo học chuyên văn suốt 9 năm, nhiều lần thi học sinh giỏi quốc gia*” (Nguyễn Lê Chi, 2009), nhà văn xuất thân trong gia đình không ai theo ngành văn học, nhưng “*mọi người đều thích đọc sách báo văn chương*” (Nguyễn Lê Chi, 2009). Đến nay, Phong Điệp trở thành cây bút “*đã gây được sự chú ý của người đọc*” (Lê Hương Thủy, 2019, tr.224), khi đang là sinh viên đại học, nhà văn được độc giả biết đến qua truyện ngắn *Ma mèo*. Tác phẩm đoạt giải Nhì (không có giải Nhất) cuộc thi trên báo Văn nghệ Trẻ 1996 – 1997. Nữ nhà văn còn cho ra đời nhiều truyện ngắn mang đậm hơi thở cuộc sống đương đại, giàu cảm xúc, bút pháp mang phong cách riêng, độc đáo, qua hàng loạt các tiểu thuyết: *Lạc chốn thị thành*, *Blogger*, *Ga kí ức*, *Vực gió* và các tập truyện ngắn tiêu biểu: *Khi ta hai mươi*, *Người phía bên kia đường*, *Phòng trọ*, *Vườn hoang*, *Kẻ dự phần*... Với quan niệm “*viết để sống, để yêu và để trân trọng cuộc đời này*”, nhà văn đã thể hiện cảm quan về những cảnh đời với mặc cảm tha hương nơi đô thị, đào xới những mặt trái của cuộc sống nơi đây, và hóa thân như một “*kẻ dự phần*” trong tác phẩm. Hệ thống từ láy trong văn Phong Điệp góp phần tô đậm nhân vật vừa mang những nét tính cách chung vừa có những cá tính riêng được khai thác ở yếu tố đời thường.

3.3. Từ láy trong tập truyện ngắn “*Kẻ dự phần*” của nhà văn Phong Điệp

3.3.1. Kết quả khảo sát, thống kê, phân loại

STT	Loại láy/Tên truyện	Tổng số trang	Láy hoàn toàn	Láy phụ âm đầu	Láy vần	Tổng số từ láy	Tỷ lệ từ láy/trang văn bản
14	<i>Ngày hôm qua</i>	12	3	5	3	11	0,9
15	<i>Trở về</i>	21	3	18	6	27	1,3
16	<i>Vườn hoang</i>	34	9	23	7	39	1,1
	Tổng	229	78	162	58	298	1,3



Thống kê tần số từ láy xét về cấu tạo trong tập truyện ngắn *Kẻ dự phần* của Phong Điệp

Kết quả khảo sát số liệu thống kê, phân loại, chúng tôi rút ra nhận xét: Phong Điệp là nhà văn chú ý đến việc sáng tạo ngôn từ, trong đó đặc biệt là từ láy. Tập truyện có 297 từ láy/229 trang, tỷ lệ trung bình 1,3 từ láy/1 trang văn bản. Từ láy trong truyện ngắn của nhà văn, ngoài chức năng biểu đạt khái niệm, còn có chức năng biểu đạt trạng thái tâm lý nhân vật. Mỗi từ láy chứa đựng một sự thể hiện tinh tế nhịp sống đời thường và thái độ của nhà văn. Từ láy có khả năng làm cho người đọc, người nghe cảm thụ và hình dung một cách cụ thể, tinh tế, sống động. Truyện ngắn sử dụng nhiều từ láy với tần số cao: *Kẻ dự phần*, *Ngôi nhà ngập tràn ánh nắng*, *Bát phở* (2,0 từ/trang). Các truyện ngắn sử dụng ít từ láy nhất: *Sau cánh gà*, *Ngày hôm qua*, *Trở về*, *Thế là vừa hết một đêm* (1,0 từ/trang). Xét về cấu tạo các kiểu láy xuất hiện, láy tư xuất hiện ít, chỉ có 01 (một) cụm từ xuất hiện (*Tiếng ru*): (4) “*Bụng dày bì bì. Cái móng lúc la lúc lắc*” (Phong Điệp, 2008, tr.25).

3.3.2. Đặc điểm cấu tạo

Kết quả khảo sát tập truyện *Kẻ dự phần*, cho thấy: Về số lượng và tần suất, trung bình mỗi truyện ngắn dài khoảng 3000–5000 từ chứa từ 30–60 từ láy. Từ láy xuất hiện tập trung ở các đoạn miêu tả cảnh vật, nội tâm nhân vật. Trong tập truyện ngắn *Kẻ dự phần* của Phong Điệp chiếm đa số với đầy đủ 2 kiểu cấu tạo chính: láy hoàn toàn, láy bộ phận.

Kiểu cấu tạo láy hoàn toàn: Kết quả khảo sát cho thấy có 74 lượt từ láy hoàn toàn được tác giả sử dụng, có thể chia làm hai dạng:

Dạng láy hoàn toàn điệp vần: Có 33 từ (Các từ có cùng âm, vần và dấu câu) từ láy loại này xuất hiện trong tác phẩm chiếm 44,5% (*xèo xèo, chim chim, lừ lừ, bẽ bẽ, giật giật, nhờ nhờ, rùng rùng...*).

(5) “*Đậu rán xèo xèo, vừa thơm vừa béo. Nó nhún nha vẫn đóng bã đậu đến nát nhừ. Chán vẫn vò thì lại chim chim thành từng nắm nhỏ*” (Phong Điệp, 2008, tr.27).

(6) “*Cái bụng rùng rùng chuyển động, vẹo bên nọ, rồi bỗng dựng nổi phồng sang bên kia. Cả ngày lẫn đêm. Người lúc nào cũng nhom nhóp mồ hôi. Vừa uống hết bát nước cổ họng đã khô róng rốc*” (Phong Điệp, 2008, tr.33).

(7) “*Một bức tranh tương phản: cổ dày nung núc, hai cái đùi bẽ bẽ. Rất thích uống rượu với ớt*” (Phong Điệp, 2008, tr.6).

+ *Dạng láy hoàn toàn đối vần*: Có 41 từ láy loại này xuất hiện, chiếm 55,4% tổng số từ láy xuất hiện trong tác phẩm (*nồng nồng, oai oái, xin xin, phồng phao, ùn ùn, rùng rùng, thon thót, quẩy quẩy...*).

(8) “*Mây lớn nồng nồng ra rồi đấy. Chơi in ít thôi*” (Phong Điệp, 2001, tr.12).

(9) “*Anh chồng cuối cùng đã bị chị vợ lôi bật*

ra khỏi giường, miệng la oai oái vì chậu nước rửa mặt chưa pha nước sôi. (Phong Điệp, 2001, tr.72).

(10) “Miên hất bàn tay đen đúa của người đàn ông vẫn nhằng nhằng xoắn lấy về đùi mình, đoạn nhỏ toẹt ngum nước trong mồm xuống thảm (Phong Điệp, 2008, tr.207).

Kiểu cấu tạo lấy bộ phận: Khảo sát truyện ngắn tập truyện ngắn *Kể dự phần*, chúng tôi thu được 223 lần xuất hiện từ lấy bộ phận xuất hiện với hai dạng là lấy âm đầu và lấy vần.

Dạng lấy phụ âm đầu: Trong tập truyện ngắn *Kể dự phần* chúng tôi thống kê được kết quả có 160 từ lấy phụ âm đầu, loại lấy này xuất hiện dày đặc trong tác phẩm (*xóc xếch, quành quạch, hồng hộc, tong teo, tơ tướp, nhor nhóp, bần bật, rệu rạo, ngẩn ngất, tập tễnh, liếm láp, rời rã, lê la, trăn trối, rúm rỏ, rí rách, huỳnh huých, rình rập, sằng sặc, đông dảnh...*).

(11) “Những chiếc mặt nạ bôi vẽ xanh đỏ, xóc xếch cười” (Phong Điệp, 2008, tr.61).

(12) “Cặp đùi rệu rạo, nhều nhẹo” (Phong Điệp, 2008, tr.13).

(13) “Thằng nhỏ chạy bàn đi tới, lạch xạch lau vài ba đường trên cái mặt bàn xin xin, nhờn mỡ, đoạn hỏi: “Bác ăn gì?” Cả bốn người họ nhìn sang tôi, nhìn sang những bàn khác, rồi tẩn ngẩn nhìn tới nhìn lui cái biển ghi trên cửa quán” (Phong Điệp, 2008, tr.50). Chỉ một câu văn mà tác giả sử dụng tới 4 từ lấy (*lạch xạch, xin xin, nhờn mỡ, tẩn ngẩn*). Trong đó, có tới 2 từ lấy phụ âm đầu. Sử dụng từ lấy đặc tả như vậy, đã lột tả được cảnh người cha “chỉ dám nuốt nước miếng”, đang chất chịu “đếm những tờ hai nghìn, năm nghìn” (Phong Điệp, 2008, tr.52-53) để trả cho hai bát phở cho hai thằng con đang “âu lo, mõi mết vì những kì thi” (Phong Điệp, 2008, tr.52-53).

Dạng lấy vần: Trong tập truyện ngắn *Kể dự phần*, chúng tôi thống kê được 63 lượt dùng từ lấy vần (*lờ nhờ, tanh bành, lảng vảng, lờm nhờm, linh kinh, lúc nhúc, thao láo, bùng bùng, ...*).

(14) “Mười ba tuổi, Miên sống với mẹ và cha dượng trong xưởng làm đậu phụ. Cứ tan học về đến nhà là cô phải xắn quần, ngồi dạng tề he bên chảo dầu sôi, rán đậu phụ cho mẹ ngồi bán (Phong Điệp, 2008, tr.227).

3.3.3. Đặc điểm ngữ nghĩa

Về đặc điểm ngữ nghĩa, Phong Điệp sử dụng từ lấy ở mức độ cao cả trong ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ độc thoại, nhưng nhiều nhất vẫn là trong ngôn ngữ trần thuật. Có thể dễ dàng nhận thấy tác giả sử dụng từ lấy trong các tác phẩm của giai đoạn đầu sáng tác, trong mảng tác phẩm viết về cuộc sống miền quê quen thuộc, về những nhân vật nữ

chôn thị thành... Từ lấy thể hiện chủ yếu ở ngôn ngữ trần thuật (ngôn ngữ kể, ngôn ngữ tả, ngôn ngữ trữ tình ngoại đề). Truyện ngắn *Tầng hai* của nhà văn Phong Điệp là một truyện ngắn nhẹ nhàng, lắng đọng, thâm sâu, nhà văn kết nối điểm nhìn liên không gian, chủ - khách đều là những người “không thích ồn ào”. Cuộc sống của Phan – cô gái đến từ tỉnh lẻ chân thực, cô đơn “đôi lúc nằm co ro trong chăn lạnh, cảm nhận được ngôi nhà đang chìm dần vào màn đêm yên ả” (Phong Điệp, 2008, tr.64). Đi làm từ sáng sớm và về nhà lúc đêm muộn, trước khi đi ngủ trong đầu cũng chỉ là những lập trình sẵn về công việc và những việc phải làm vào ngày mai “lắm nhảm tính toán số tiền đã tiết kiệm” (Phong Điệp, 2008, tr.66). Trong ngôn ngữ tả, những trang viết tả thiên nhiên làng quê, Phong Điệp đã tạo nên một không gian đậm chất trữ tình thấm đẫm chất thơ. Khi tả về những hình ảnh thiên nhiên, giọng văn của nhà văn thường dùng nhiều từ lấy để miêu tả bằng ngôn ngữ trầm lắng phù hợp với tâm trạng, cảm xúc của nhân vật Miên, người đàn bà đã “lén lút sinh nở trong một ngôi nhà ở ngoại ô”: “màn đen thăm thẳm của đêm sâu. Chó ông ổng cắn vật. Lũ cú vào mùa giao hoan, rúc lên từng chập thê thiết. Gió hi hụi lùa đám lá khô nỏ, rụng lá tả dọc các con phố, hết như trẻ con chơi trò đuổi bắt. Trong vệt ánh sáng loang lổ, nhờ nhờ của dãy đèn cao áp đứng lều đều ngóng trời sáng, màn đêm dường như đang cố giấu một điều bí mật nào đó” (Phong Điệp, 2001, tr.202). Chỉ trong một đoạn văn ngắn đã có tới 8 từ lấy (*thăm thẳm, ông ổng, thê thiết, hi hụi, lá tả, loang lổ, nhờ nhờ, lều đều*) diễn tả quang cảnh khu vườn hoang. Có thể thấy, hệ thống từ lấy trong tác phẩm của Phong Điệp thường rất tự nhiên, mộc mạc và giàu tính biểu cảm. Trong truyện *Vườn hoang*, từ lấy trong những câu văn tả cảnh của Phong Điệp thường thấm đượm một tình cảm đượm buồn: “Miên tẩn ngẩn nhìn lại thị xã lần cuối. Gió từ bờ sông quăn quật thổi bên cạnh cô, mang theo vị phù sa ngai ngái. Mái tóc dài của Miên bị gió bời tung, bay lòa xòa trước mặt” (Phong Điệp, 2001, tr.202). Những câu văn với nhiều từ lấy như vậy có rất nhiều trong sáng tác của Phong Điệp, tạo thành một cái giọng nền chung trong các tác phẩm viết về đề tài người phụ nữ. Hệ thống từ lấy trong tác phẩm của Phong Điệp rất tự nhiên, mộc mạc và giàu tính biểu cảm, tạo nên giọng điệu mang nhiều cung bậc khác nhau: “Bà già vỗ vào vai cô, hai mắt quăn queo nhướn lên như dò hỏi. Cô chưa kịp định thần về sự xuất hiện đột ngột ấy thì bà đã xổ ra những tràng ho rũ rượi” (Phong Điệp, 2008, tr.165). Ấn tượng sau những câu chữ là một cái tôi nhà văn đầy trăn trở. Có khi nhà văn tự mình bộc lộ những

suy tư trước cuộc sống, có khi mượn lời nhân vật mà bộc bạch những nghĩ suy của mình, lại có lúc lời nhà văn hòa với lời nhân vật khiến người đọc như bị cuốn theo dòng tâm trạng Phan (*Tầng hai*) những “âm thanh rí rách của cái vòi nước chảy vào bể ngầm” (Phong Điệp, 2008, tr.68). Nhà văn dịch chuyển tự nhiên điểm nhìn của tác giả sang điểm nhìn nhân, tạo nên một sự linh hoạt trong cách kể: “giấc ngủ nhập nhao kéo đến tê tê mí mắt, Phan lại nghe thấy âm thanh giống như tiếng khóc... Lúc đầu nó còn âm âm trong lồng ngực, sau vỡ dần ra khỏi miệng. Liền sau đấy là tiếng hí mũi rất to và những tiếng nấc tức tưởi” (Phong Điệp, 2008, tr.67).

3.4. Giá trị của từ láy trong truyện ngắn “Kẻ dưng phần”

Nhìn từ góc độ sử dụng, từ láy có giá trị gợi tả, giá trị biểu cảm và giá trị phong cách. Trong tập truyện *Kẻ dưng phần*, giá trị gợi tả được biểu hiện thông qua ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh. Khảo sát từ láy trong truyện ngắn *Tầng hai* của Phong Điệp, cho thấy tác giả sử dụng từ láy như một phương tiện gợi tả âm thanh, có 09 từ gợi tả: *se se, huỳnh huých, sa sa, hừ hừ, rành rọt, khe khẽ, léo nhéo, oai oai, phù phù*. Những âm thanh này không chỉ là biểu hiện của cảm xúc mà còn là cầu nối giúp người đọc hiểu rõ hơn về tâm lý nhân vật. “Những lúc ấy, cô lại chợt nhớ nhà đến cồn cào. Mẹ cô thường dậy sớm quạt bếp lò, nấu ấm nước nóng cho cha cô pha trà rồi làm bữa ăn sáng cho cả nhà. Khuôn mặt mẹ vì vậy mới sớm ra đã lấm tấm mồ hôi. Chị cả thì kéo chân và thổi hơi phù phù vào tai cô, môi chu lại” (Phong Điệp, 2008, tr.64-77). Những từ *cồn cào, lấm tấm* đã làm tăng giá trị gợi tả và tăng chiều sâu cảm xúc cho tác phẩm, khơi gợi trí tưởng tượng và cảm xúc bạn đọc. Đồng thời, những từ láy này tạo nên giọng trần thuật tự nhiên của nhà văn.

Giá trị biểu cảm là khả năng của ngôn ngữ gợi lên cảm xúc nơi người đọc, thể hiện được tình cảm, thái độ, tâm trạng của nhà văn. Trong truyện ngắn Phong Điệp, giá trị biểu cảm là khả năng thể hiện tình cảm, cảm xúc thông qua ngôn ngữ nghệ thuật như vui, buồn, yêu, giận, tiếc nuối, phân vân, rụt rè: “Một lần, cô rụt rè đi lên lưng chừng cầu

thang rồi lại phân vân trở xuống. Cứ lần lần thế mất mười phút” (Phong Điệp, 2008, tr.75-76). Giá trị biểu cảm còn được thể hiện thông qua lớp từ ngữ giàu cảm xúc: “Phan tiếp tục cần nhằn điều gì đó nghe không rõ rồi uể oải trở lại buông lái rút điều thuốc lá nhàu nhĩ từ trong chiếc túi vải màu nâu xin xin” (Phong Điệp, 2008, tr.90). Với các từ như: *cần nhằn, uể oải,...* đã thể hiện diễn tả trạng thái mệt mỏi của nhân vật.

Giá trị phong cách là những nét độc đáo, riêng biệt trong cách thể hiện nội dung tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn. Nói cách khác, phong cách là “dấu vân tay” nghệ thuật, giúp người đọc nhận ra ai là người viết, chỉ cần qua một đoạn văn hay một hình ảnh. Việc sử dụng từ láy trong phong cách ngôn ngữ của nhà văn Phong Điệp không chỉ làm phong phú ngôn ngữ mà còn thể hiện rõ nét phong cách nghệ thuật của tác giả. Từ láy giúp tạo ra hình ảnh sinh động, diễn tả cảm xúc nhân vật một cách tinh tế, tạo nên giọng điệu cho tác phẩm, góp phần làm cho truyện ngắn Phong Điệp trở nên đặc sắc và có sức hấp dẫn riêng.

4. KẾT LUẬN

Phong Điệp đã có nhiều sáng tạo trong việc sử dụng nhiều từ láy đặc sắc. Sự linh hoạt trong ngòi bút của nhà văn thể hiện ngay trong việc vận dụng nhiều kiểu từ láy ở các tác phẩm khác nhau. Nó được tạo thành từ sự gắn kết hô ứng và hài hòa của nhiều thành tố nghệ thuật khác, đồng thời bản thân từ láy cũng góp phần chi phối và làm sáng rõ những yếu tố đó. Có được một từ láy mang đặc trưng riêng cho sáng tác của mình không phải là điều dễ dàng, song với tài năng và niềm đam mê sáng tạo văn chương của mình, Phong Điệp đã thể hiện sự cố gắng không ngừng để tạo cho tác phẩm có những lớp từ láy không bị trộn lẫn. Và có thể khẳng định rằng, nhà văn đã gặt hái được những thành công nhất định, đọng lại trong tâm hồn bạn đọc một dư vị riêng. Qua việc tìm hiểu đặc điểm từ láy trong tập truyện *Kẻ dưng phần* của Phong Điệp, chúng tôi phác thảo những nét nổi bật trong phong cách sáng tác của một cây bút nữ thời kỳ sau đổi mới, mở rộng biên độ khám phá các tác phẩm truyện ngắn Việt Nam hiện đại.

FEATURES OF REDUPLICATIVE WORDS IN THE SHORT STORY COLLECTION “THE PARTICIPANT” BY THE WRITER PHONG DIEP

Doan Tien Dung¹

Received Date: 30/04/2025; Revised Date: 22/06/2025; Accepted for Publication: 23/06/2025

ABSTRACT

Reduplicative words are among the five essential methods of word-formation in Vietnamese, contributing significantly to the expansion of the language's vocabulary. This lexical category is regarded as the most prominent reflection of Vietnamese phonetics, enabling writers to express thoughts and emotions. Furthermore, reduplicative words are instrumental in creating vivid, evocative, and expressive imagery in narratives. This article surveys and analyzes the features of reduplicative words as used in “The Participant,” a representative short story collection by the writer Phong Điệp. Through the processes of statistical analysis, classification, and functional analysis, this study explores the role of these words in shaping the author's distinctive artistic style. Ultimately, this article affirms the expressive and rhetorical value of reduplicative words in modern Vietnamese prose.

Keywords: Reduplication, short story, The participant, Phong Diep.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Điệp Quang Ban (1996). *Ngữ pháp Tiếng Việt*. tập 1. NXB Giáo dục.
- Đỗ Hữu Châu (1981). *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Lê Chi (2009). “Phong Điệp - Kẻ dự phần bất đắc dĩ”. nguồn <https://thanhnien.vn>, đăng ngày 14/9/2008.
- Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu. Hoàng Trọng Phiến (1997). *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- Phong Điệp (2008). *Kẻ dự phần*. NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Thiện Giáp (2002). *Từ vựng học tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Hoàng Văn Hành (1985). *Từ láy trong tiếng Việt*. NXB Khoa học Xã hội.
- Bùi Minh Toán (2017). *Ngôn ngữ với văn chương*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Đức Tồn (2005). *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- Trần Đình Sử (2014). *Trên đường biên của lí luận văn học*. NXB Văn học. Hà Nội.

¹Cao Nguyen Practical High School, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Doan Tien Dung; Phone: 0979265394; Email: dtdung@ttn.edu.vn.